

Số: 33 /2018/QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày 31 tháng 5 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế phối hợp thực hiện chế độ báo cáo, cung cấp,
kiểm tra thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản
trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật nhà ở ngày 25 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật kinh doanh bất động sản ngày 25 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 117/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về xây dựng, quản lý và sử dụng hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản;

Căn cứ Thông tư số 27/2016/TT-BXD ngày 15 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 117/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về xây dựng, quản lý và sử dụng hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 1337/TTr-SXD ngày 14 tháng 5 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp thực hiện chế độ báo cáo, cung cấp, kiểm tra thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2018.
Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, Ngành thuộc tỉnh; Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh Ninh Thuận; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Trưởng Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh; Giám đốc Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh; Giám đốc Trung tâm Quản lý nhà và chung cư; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu

trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ pháp chế (Bộ Xây dựng);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (báo cáo);
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT; các Phó CT UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND các huyện, thành phố;
- Báo Ninh Thuận;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Công báo, Cổng TTĐT Ninh Thuận;
- VPUB: LĐ, NC, KTN, TH;
- Lưu: VT, QHXD. LQĐ.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lưu Xuân Vinh

QUY CHẾ

**Phối hợp thực hiện chế độ báo cáo, cung cấp, kiểm tra thông tin,
dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản
trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 33 /2018/QĐ-UBND
ngày 31 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định việc phối hợp thực hiện chế độ báo cáo, cung cấp, kiểm tra thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản giữa các cơ quan, tổ chức trong việc báo cáo, cung cấp thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

2. Các loại nhà ở và dự án bất động sản theo quy định tại Quy chế này là các loại hình bất động sản phải báo cáo theo quy định tại Nghị định số 117/2015/NĐ-CP, cụ thể:

- a) Đất nền cho xây dựng nhà ở;
- b) Nhà ở riêng lẻ, nhà ở chung cư;
- c) Văn phòng;
- d) Khách sạn;
- đ) Mặt bằng thương mại, dịch vụ;
- e) Hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, cụm công nghiệp;
- g) Khu du lịch sinh thái, khu nghỉ dưỡng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các Sở, ngành: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Tư pháp, Công thương; Cục Thuế tỉnh, Cục Thống kê tỉnh, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Ninh Thuận; Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh; Trung tâm Quản lý nhà và chung cư; Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã.

3. Sàn giao dịch bất động sản, tổ chức kinh doanh dịch vụ môi giới bất động sản, tổ chức bán đấu giá tài sản, chủ đầu tư các dự án bất động sản theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 của Quy chế này.

Điều 4. Chế độ báo cáo, phối hợp cung cấp thông tin, dữ liệu và các biểu mẫu

1. Các thông tin, dữ liệu báo cáo định kỳ hàng tháng (trước ngày 05 của tháng sau tháng báo cáo):

a) Sàn giao dịch bất động sản; Tổ chức kinh doanh dịch vụ môi giới bất động sản; Tổ chức đấu giá tài sản báo cáo thông tin về lượng giao dịch, giá giao dịch bất động sản bán, cho thuê về Sở Xây dựng theo Biểu mẫu số 1, 2, 3 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 117/2015/NĐ-CP;

b) Chủ đầu tư báo cáo thông tin về tình hình giao dịch bất động sản của dự án về Sở Xây dựng theo Biểu mẫu số 4a, 4b, 4c, 5 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 117/2015/NĐ-CP;

c) Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo thông tin về số lượng giao dịch bất động sản thông qua hoạt động công chứng, chứng thực hợp đồng về Sở Xây dựng theo Biểu mẫu số 6 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 117/2015/NĐ-CP.

2. Các thông tin, dữ liệu được báo cáo định kỳ hàng quý (trước ngày 10 tháng đầu tiên của quý sau quý báo cáo):

a) Chủ đầu tư báo cáo thông tin về tình hình triển khai các dự án nhà ở, bất động sản, số lượng sản phẩm của dự án về Sở Xây dựng theo Biểu mẫu số 8a, 8b, 8c, 8d tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 117/2015/NĐ-CP;

b) Sở Tài nguyên và Môi trường; Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo các thông tin về số lượng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất về Sở Xây dựng theo Biểu mẫu số 9 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 117/2015/NĐ-CP;

c) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Ninh Thuận tổng hợp số liệu dư nợ tín dụng đối với hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản gửi về Sở Xây dựng theo Biểu mẫu số 17 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 117/2015/NĐ-CP.

3. Các thông tin, dữ liệu được báo cáo định kỳ 6 tháng (trước ngày 15 tháng đầu tiên của kỳ sau kỳ báo cáo):

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo thông tin về công tác quản lý nhà chung cư về Sở Xây dựng theo Biểu mẫu số 10 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 117/2015/NĐ-CP;

b) Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo thông tin về sử dụng đất ở về Sở Xây dựng theo Biểu mẫu số 11 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 117/2015/NĐ-CP;

c) Cục Thuế tỉnh, Sở Tài chính báo cáo thông tin về tình hình thu nộp ngân sách từ đất đai và từ hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản về Sở Xây dựng theo Biểu mẫu số 12 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 117/2015/NĐ-CP;

2. Thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản phải được số hóa, lưu trữ và bảo quản theo quy định của pháp luật về lưu trữ và các quy định chuyên ngành để đảm bảo an toàn, thuận tiện trong việc quản lý, khai thác, sử dụng thông tin.

3. Thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản do Sở Xây dựng lưu trữ, xử lý được cung cấp cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác, sử dụng thông tin theo quy định của pháp luật.

4. Thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản được tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Xây dựng và định kỳ công bố theo quy định pháp luật.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Trách nhiệm của các Sở, ngành, cơ quan, tổ chức có liên quan

1. Các Sở, ngành bố trí công chức làm công tác theo dõi, tổng hợp báo cáo, cung cấp, kiểm tra thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản theo Quy chế này.

2. Các cơ quan, tổ chức có liên quan được phân công có trách nhiệm báo cáo thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản đầy đủ, chính xác, theo đúng biểu mẫu và đúng thời hạn quy định, đảm bảo việc kết nối, tích hợp, chia sẻ thông tin giữa cơ sở dữ liệu chuyên ngành có liên quan đến nhà ở và thị trường bất động sản của cơ quan mình theo Quy chế này.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường đảm bảo sự kết nối, tích hợp, chia sẻ giữa cơ sở dữ liệu về đất đai do cơ quan tài nguyên và môi trường quản lý với cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản.

4. Sở Tài chính thẩm định dự toán kinh phí để thu thập, tổng hợp, tính toán các chỉ tiêu thống kê về nhà ở và thị trường bất động sản cấp tỉnh; dự toán kinh phí bổ sung thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh (do Sở Xây dựng lập theo Khoản 3 Điều 8 Quy chế này) trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt bố trí kinh phí thực hiện.

Điều 8. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

1. Là cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản có trách nhiệm tiếp nhận các thông tin, dữ liệu do các cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp để tích hợp vào cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản.

2. Chủ trì tổng hợp báo cáo, thông tin, dữ liệu về nhà ở, dự án bất động sản, thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận. Đồng thời có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc và kiểm tra nội dung báo cáo thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản của các cơ quan, tổ chức có liên quan trên địa bàn tỉnh; tổng hợp báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý các sai phạm của các cơ quan, tổ chức có liên quan theo quy định của pháp luật trong quá trình thực hiện.

3. Lập kế hoạch, dự toán kinh phí để thu thập, tổng hợp, tính toán các chỉ tiêu thống kê của tỉnh; lập nhiệm vụ và dự toán kinh phí bổ sung thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh thông qua Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

4. Chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan xử lý vi phạm của chủ đầu tư dự án bất động sản, sàn giao dịch bất động sản, đơn vị kinh doanh dịch vụ bất động sản đối với việc không báo cáo hoặc báo cáo không đúng thời hạn, nội dung báo cáo không chính xác, đầy đủ theo quy định.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Xây dựng để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lưu Xuân Vĩnh

Đơn vị báo cáo (tên sản giao dịch bất động sản, tổ chức kinh doanh dịch vụ môi giới bất động sản):.....

Địa chỉ, điện thoại:

Nơi nhận báo cáo: Sở Xây dựng.....

THÔNG TIN VỀ LƯỢNG GIAO DỊCH BẤT ĐỘNG SẢN BÁN TRONG KỲ

Kỳ báo cáo: Tháng.....năm.....

TT	Khu vực	Số lượng căn hộ chung cư (căn)			Số lượng nhà ở riêng lẻ (căn)			Đất nền (lô)	Diện tích văn phòng (m ²)	Diện tích mặt bằng thương mại, dịch vụ (m ²)
		Diện tích ≤70 m ²	70 m ² < Diện tích ≤120 m ²	Diện tích >120 m ²	Liên kề	Biệt thự	Nhà ở độc lập			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Quận/huyện:....									
	Bất động sản phát triển theo dự án									
	Bất động sản trong khu dân cư hiện hữu									
2	Quận/huyện:....									
...	...									

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Số điện thoại:.....

Email:.....

Ngày.....tháng.....năm.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Biểu mẫu số 2

Đơn vị báo cáo (tên sàn giao dịch bất động sản, tổ chức kinh doanh dịch vụ môi giới bất động sản):.....

Địa chỉ, điện thoại:

Nơi nhận báo cáo: Sở Xây dựng.....

THÔNG TIN VỀ LƯỢNG GIAO DỊCH BẤT ĐỘNG SẢN CHO THUÊ TRONG KỲ

Kỳ báo cáo: Tháng.....năm.....

TT	Khu vực	Số lượng căn hộ chung cư (căn)			Số lượng nhà ở riêng lẻ (căn)			Diện tích văn phòng (m ²)			Diện tích mặt bằng thương mại, dịch vụ (m ²)
		Diện tích ≤ 70 m ²	70 m ² < Diện tích ≤ 120 m ²	Diện tích > 120 m ²	Liên kề	Biệt thự	Nhà ở độc lập	Hạng A	Hạng B	Hạng C	
-1	-2	-3	-4	-5	-6	-7	-8	-9	-10	-11	-12
1	Quận/huyện:.....										
	Bất động sản phát triển theo dự án										
	Bất động sản trong khu dân cư hiện hữu										
2	Quận/huyện:.....										
...	...										

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Số điện thoại:.....

Email:.....

Ngày.....tháng.....năm.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Đơn vị báo cáo (tên sản giao dịch bất động sản, tổ chức kinh doanh dịch vụ môi giới bất động sản):.....

Địa chỉ, điện thoại:

Nơi nhận báo cáo: Sở Xây dựng.....

THÔNG TIN VỀ GIÁ GIAO DỊCH CÁC BẤT ĐỘNG SẢN

Kỳ báo cáo: Tháng.....năm.....

TT	Loại bất động sản	Địa chỉ bất động sản	Số hiệu giấy chứng nhận quyền sở hữu bất động sản, quyền sử dụng đất	Số hiệu thửa đất	Hình thức giao dịch		Thời điểm giao dịch thành công	Diện tích giao dịch (m ²)	Giá giao dịch		Đặc điểm bất động sản
					Bán	Cho thuê			Bán (triệu đồng)	Cho thuê (triệu đồng /tháng)	
-1	-2	-3	-4	-5	-6	-7	-8	-9	-10	-11	-12
1											
2											
...											

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Số điện thoại:.....

Email:.....

Ngày.....tháng.....năm.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Cột (2) gồm: Căn hộ chung cư, đất nền, nhà riêng lẻ, văn phòng (hạng A, B, C), mặt bằng thương mại, dịch vụ.

Biểu mẫu 4a (tiếp theo)

TT	Tên dự án	Địa điểm	Số hiệu thửa đất	Tổng số lượng nhà (căn)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	Bất động sản đủ điều kiện giao dịch nhưng chưa giao dịch tính đến hết kỳ báo cáo														Văn phòng cho thuê (m ²)	Mặt bằng thương mại, dịch vụ (m ²)
						Căn hộ chung cư						Nhà riêng lẻ				Đất nền					
						Diện tích ≤70 m ²		70 m ² < Diện tích ≤120 m ²		Diện tích >120 m ²		Nhà liền kề		Biệt thự							
						Số lượng căn hộ (căn)	Tổng diện tích sàn (m ²)	Số lượng căn hộ (căn)	Tổng diện tích sàn (m ²)	Số lượng căn hộ (căn)	Tổng diện tích sàn (m ²)	Số lượng nhà (căn)	Tổng diện tích sàn (m ²)	Số lượng nhà (căn)	Tổng diện tích sàn (m ²)	Số lượng nền (lô)	Tổng diện tích đất nền (m ²)				
-74	-75	-76	-77	-78	-79	-80	-81	-82	-83	-84	-85	-86	-87								
I	Quận/huyện ...																				
1	Dự án...																				
2	Dự án...																				
...	...																				
II	Quận/huyện ...																				
1	Dự án...																				
2	Dự án...																				
...	...																				
Tổng cộng																					

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Số điện thoại:.....

Email:.....

Ngày.....tháng.....năm.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Biểu mẫu 4b

Đơn vị báo cáo (chủ đầu tư):.....

Địa chỉ, điện thoại:

Nơi nhận báo cáo: Sở Xây dựng.....

BÁO CÁO VỀ TÌNH HÌNH GIAO DỊCH TẠI CÁC DỰ ÁN BẤT ĐỘNG SẢN

(Biểu mẫu đối với các dự án khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng)

Kỳ báo cáo: Tháng.....năm.....

TT	Tên dự án	Địa điểm	Số hiệu thửa đất	Tổng diện tích đất đã xây dựng công trình (ha)	Trong tháng báo cáo							Lũy kế tính đến hết tháng báo cáo				
					Số lượng căn nhà/căn hộ đã xây dựng (căn)	Số lượng căn nhà/căn hộ đã bán (căn)	Số lượng căn nhà/căn hộ chưa bán (căn)	Số lượng căn nhà/căn hộ đã cho thuê (căn)	Số lượng căn nhà/căn hộ chưa cho thuê (căn)	Giá bán trung bình (triệu đồng/m ²)	Giá cho thuê trung bình (triệu đồng/m ²)	Số lượng căn nhà/căn hộ đã xây dựng (căn)	Số lượng căn nhà/căn hộ đã bán (căn)	Số lượng căn nhà/căn hộ chưa bán (căn)	Số lượng căn nhà/căn hộ đã cho thuê (căn)	Số lượng căn nhà/căn hộ chưa cho thuê (căn)
-1	-2	-3	-4	-5	-6	-7	-8	-9	-10	-11	-12	-13	-14	-15	-16	-17
1	Quận/huyện:...															
1	Dự án khu du lịch sinh thái															
...	...															
2	Dự án khu nghỉ dưỡng															
...	...															
3	Dự án hỗn hợp sinh thái, nghỉ dưỡng															
...	...															
11	Quận/huyện:...															
...	...															
Tổng cộng																

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Số điện thoại:.....

Email:.....

Ngày.....tháng.....năm.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Đơn vị báo cáo (chủ đầu tư):.....

Địa chỉ, điện thoại:

Nơi nhận báo cáo: Sở Xây dựng.....

BÁO CÁO VỀ TÌNH HÌNH GIAO DỊCH BẤT ĐỘNG SẢN
(Biểu mẫu đối với các dự án hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, cụm công nghiệp)

Kỳ báo cáo: Tháng.....năm.....

TT	Tên dự án	Địa điểm	Số hiệu thửa đất	Diện tích đất được duyệt (ha)	Trong tháng báo cáo			Lũy kế tính đến hết tháng báo cáo	
					Diện tích mặt bằng đã xây dựng xong hạ tầng kỹ thuật (ha)	Diện tích mặt bằng đã cho thuê (ha)	Giá cho thuê trung bình (triệu đồng/ha)	Diện tích mặt bằng đã xây dựng xong hạ tầng kỹ thuật (ha)	Diện tích mặt bằng đã cho thuê (ha)
-1	-2	-3	-4	-5	-6	-7	-8	-9	-10
I	Quận/huyện:								
1	Dự án hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp								
...	...								
2	Dự án hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp								
...	...								
II	Quận/huyện:.....								
...	...								
Tổng cộng									

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Số điện thoại:.....

Email:.....

Ngày.....tháng.....năm.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Đơn vị báo cáo (chủ đầu tư):.....

Địa chỉ, điện thoại:

Nơi nhận báo cáo: Sở Xây dựng.....

BÁO CÁO VỀ TÌNH HÌNH BÁN, CHO THUÊ MUA NHÀ Ở TẠI CÁC DỰ ÁN CHO TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NƯỚC NGOÀI

Kỳ báo cáo: Tháng.....năm.....

TT	Tên dự án	Tên tòa nhà chung cư, khu nhà ở riêng lẻ	Địa chỉ	Số hiệu thửa đất	Số lượng nhà theo dự án được duyet (căn)	Lượng nhà ở để bán, cho thuê mua cho tổ chức nước ngoài (căn)		Nhà ở để bán, cho thuê mua cho cá nhân nước ngoài (căn)		Tổng cộng số lượng nhà ở để bán, cho thuê mua cho tổ chức, cá nhân nước ngoài (căn)	
						Trong tháng báo cáo	Lũy kê tính từ thời điểm dự án bắt đầu giao dịch đến thời điểm báo cáo	Trong tháng báo cáo	Lũy kê tính từ thời điểm dự án bắt đầu giao dịch đến thời điểm báo cáo	Trong tháng báo cáo	Tính từ thời điểm dự án bắt đầu giao dịch đến thời điểm báo cáo
-1	-2	-3	-4	-5	-6	-7	-8	-9	-10	(11)=(7)+(9)	(12)=(8)+(10)
1	Dự án....										
		Tòa nhà chung cư....									
										
		Khu nhà ở riêng lẻ....									
										
2	Dự án....										
		Tòa nhà chung cư....									
										
		Khu nhà ở riêng lẻ....									
										
										

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Số điện thoại:.....

Ngày.....tháng.....năm.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Đơn vị báo cáo (Sở Tư pháp/UBND cấp xã):.....

Địa chỉ, điện thoại:

Nơi nhận báo cáo: Sở Xây dựng.....

BÁO CÁO VỀ LƯỢNG GIAO DỊCH BẤT ĐỘNG SẢN ĐỀ BÁN QUA CÔNG CHỨNG/CHỨNG THỰC

Kỳ báo cáo: Tháng.....năm.....

TT	Địa điểm bất động sản	Số lượng giao dịch bất động sản đề bán được tổng hợp từ số liệu công chứng/chứng thực trong tháng báo cáo									
		Đất nền để ở (lô)		Nhà ở riêng lẻ (căn)		Căn hộ chung cư (căn)			Văn phòng cho thuê (m ²)	Mặt bằng thương mại, dịch vụ (m ²)	
		Phát triển theo dự án	Trong khu dân cư hiện hữu	Phát triển theo dự án	Trong khu dân cư hiện hữu	Diện tích ≤70 m ²	70 m ² < Diện tích ≤120 m ²	Diện tích >120 m ²			
-1	-2	-3	-4	-5	-6	-7	-8	-9	-10	-11	
1	Quận/huyện:...										
2	Quận/huyện:...										
	...										
	Tổng cộng										

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Số điện thoại:.....

Ngày.....tháng.....năm.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Sở Tư pháp địa phương cung cấp thông tin về số lượng giao dịch bất động sản qua công chứng tại địa phương.
- Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo thông tin về số lượng giao dịch bất động sản qua chứng thực.

Biểu mẫu 7a

Đơn vị báo cáo (Chủ đầu tư):.....

Địa chỉ, điện thoại:

Nơi nhận báo cáo: Sở Xây dựng.....

BÁO CÁO CỦA CHỦ ĐẦU TƯ VỀ THÔNG TIN CỦA DỰ ÁN NHÀ Ở
(Biểu mẫu đối với các dự án phát triển nhà ở, dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới, dự án tòa nhà chung cư hỗn hợp)
 Thời điểm báo cáo: Tháng.....năm.....

TT	Tên dự án	Địa điểm	Số hiệu thửa đất	Các thông tin theo quyết định phê duyệt						Cơ cấu sử dụng đất theo quy hoạch				Thời hạn sử dụng đất (năm)	Cơ cấu nguồn vốn (đối với các dự án có vốn)			Cơ cấu bất động sản theo quy hoạch										Danh mục công trình hạ tầng xã hội			
				Số văn bản, ngày ban hành	Cơ quan phê duyệt	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Trong đó		Tiến độ dự án được duyệt (từ ... đến ...)	Tổng diện tích đất theo quy hoạch (ha)	Trong đó				Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Vốn trong nước (tỷ đồng)	Vốn nước ngoài (tỷ đồng)	Số lượng chung cư			Số lượng nhà ở riêng lẻ		Tổng diện tích sàn nhà ở riêng lẻ (m ²)	Nhà ở xã hội		Đất nền để ở			Diện tích văn phòng cho thuê (m ²)	Diện tích mặt bằng thương mại, dịch vụ (m ²)	
							Vốn của chủ đầu tư (tỷ đồng)	Vốn huy động, vốn vay (tỷ đồng)			Diện tích đất xây dựng nhà ở thương mại (ha)	Diện tích đất xây dựng nhà ở xã hội (ha)	Diện tích đất khác (ha)					Diện tích ≤70 m ² (căn)	70 m ² < Diện tích ≤120 m ² (căn)	Diện tích >120 m ² (căn)	Biệt thự (ha)	Nhà liền kề (căn)		Số lượng nhà ở xã hội (căn)	Diện tích nhà ở xã hội (m ²)	Số lượng đất nền để ở (lô)	Diện tích đất nền để ở (m ²)				
-1	-2	-3	-4	-5	-6	-7	-8	-9	-10	-11	-12	-13	-14	-15	-16	-17	-18	-19	-20	-21	-22	-23	-24	-25	-26	-27	-28	-29	-30	-31	-32
I	Quận/ huyện ...																														
1	Dự án ...																														
2	Dự án ...																														
...	...																														
II	Quận/ huyện ...																														
...	...																														

NGƯỜI LẬP BIỂU
 (Ký, ghi rõ họ và tên)
 Số điện thoại:.....

Ngày.....tháng.....năm.....
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
 (Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Thời điểm báo cáo lần đầu: Sau khi dự án có quyết định phê duyệt dự án.
- Thời điểm gửi báo cáo bổ sung: Khi có văn bản của các cấp có thẩm quyền thay đổi, bổ sung các nội dung của dự án (về tên dự án, chủ đầu tư, nội dung quyết định phê duyệt, cơ cấu sử dụng đất, cơ cấu nguồn vốn, cơ cấu nhà ở,...).
- Cột (7): Tổng mức đầu tư ghi theo quyết định, nếu có điều chỉnh ghi theo quyết định điều chỉnh.
- Cột (32): Ghi rõ số lượng công trình xây dựng làm trường học, cơ sở văn hóa, cơ sở y tế... (ví dụ: 02 trường tiểu học, 01 trung tâm y tế, 01 chợ...).

Biểu mẫu 7b

Đơn vị báo cáo (Chủ đầu tư):.....

Địa chỉ, điện thoại:.....

Nơi nhận báo cáo: Sở Xây dựng.....

**BÁO CÁO CỦA CHỦ ĐẦU TƯ VỀ THÔNG TIN CỦA DỰ ÁN BẤT ĐỘNG SẢN
(Biểu mẫu đối với các dự án trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê)**

Thời điểm báo cáo: Tháng.....năm.....

TT	Tên dự án	Địa điểm	Số hiệu thửa đất	Các thông tin theo quyết định phê duyệt						Thời hạn sử dụng đất (năm)	Cơ cấu sử dụng đất theo quy hoạch			Cơ cấu nguồn vốn (đối với các dự án có vốn đầu tư nước ngoài)			Tổng diện tích sàn văn phòng cho thuê (m ²)	Tổng diện tích sàn mặt bằng thương mại, dịch vụ (m ²)	Diện tích khác (m ²)
				Số văn bản, ngày ban hành	Cơ quan phê duyệt	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Trong đó		Tiến độ dự án được duyệt (từ... đến...)		Tổng diện tích đất theo quy hoạch (ha)	Trong đó		Vốn điều lệ đăng ký (tỷ đồng)	Trong đó				
							Vốn của chủ đầu tư (tỷ đồng)	Vốn huy động, vốn vay (tỷ đồng)				Đất xây dựng công trình (ha)	Đất công cộng (ha)		Vốn trong nước (tỷ đồng)	Vốn nước ngoài (tỷ đồng)			
-1	-2	-3	-4	-5	-6	-7	-8	-9	-10	-11	-12	-13	-14	-15	-16	-17	-18	-19	-20
I	Quận/ huyện																		
1	Dự án																		
2	Dự án																		
...	...																		
II	Quận/ huyện																		
...	...																		

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Số điện thoại:.....

Ngày.....tháng.....năm.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Biểu mẫu 7c

Đơn vị báo cáo (Chủ đầu tư):.....

Địa chỉ, điện thoại:.....

Nơi nhận báo cáo: Sở Xây dựng.....

BÁO CÁO CỦA CHỦ ĐẦU TƯ VỀ THÔNG TIN CỦA DỰ ÁN BẤT ĐỘNG SẢN
(Biểu mẫu đối với các dự án hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, cụm công nghiệp)

Thời điểm báo cáo: Tháng.....năm.....

TT	Tên dự án	Địa điểm	Số hiệu thửa đất	Các thông tin theo quyết định phê duyệt						Thời hạn sử dụng đất (năm)	Cơ cấu sử dụng đất theo quy hoạch				Cơ cấu nguồn vốn (đối với các dự án có vốn đầu tư nước ngoài)		
				Số văn bản, ngày ban hành	Cơ quan phê duyệt	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Trong đó		Tiến độ dự án được duyệt (từ... đến...)		Tổng diện tích đất theo quy hoạch (ha)	Trong đó			Vốn điều lệ đăng ký (tỷ đồng)	Trong đó	
							Vốn của chủ đầu tư (tỷ đồng)	Vốn huy động, vốn vay (tỷ đồng)				Diện tích mặt bằng xây dựng nhà xưởng (ha)	Diện tích xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật (ha)	Diện tích đất xây dựng nhà ở công nhân (ha)		Vốn trong nước (tỷ đồng)	Vốn nước ngoài (tỷ đồng)
-1	-2	-3	-4	-5	-6	-7	-8	-9	-10	-11	-12	-13	-14	-15	-16	-17	-18
I	Quận/huyện ...																
1	Dự án ...																
2	Dự án ...																
...	...																
II	Quận/huyện ...																
...	...																

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Số điện thoại:.....

Ngày.....tháng.....năm.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Cột (13): Diện tích đất được cho thuê làm nhà xưởng.

- Cột (14): Diện tích đất xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật và các công trình khác như nhà điều hành, xử lý nước thải, trạm điện, đường giao thông...

Biểu mẫu số 8a (tiếp theo)

TT	Tên dự án	Địa điểm	Số hiệu thửa đất	Về xây dựng nhà ở thương mại									Về sử dụng đất và xây dựng nhà ở xã hội (nếu có)								Về xây dựng văn phòng				Về xây dựng mặt bằng thương mại dịch vụ			Danh mục công trình hạ tầng xã hội đã hoàn thành			
				Nhà riêng lẻ									Diện tích đất xây dựng nhà ở xã hội đã bàn giao cho nhà nước (ha)	Diện tích đất xây dựng nhà ở xã hội đã bàn giao cho nhà nước (ha)	Số lượng căn nhà/căn hộ theo thiết kế (căn)	Nhà chung cư				Nhà riêng lẻ				Ước tính chi phí đã thực hiện (tỷ đồng)	Diện tích văn phòng đã xây thô (m ²)	Diện tích văn phòng đã hoàn thiện (m ²)	Ước tính chi phí đã thực hiện (tỷ đồng)		Diện tích mặt bằng thương mại, dịch vụ đã xây thô (m ²)	Diện tích mặt bằng thương mại, dịch vụ đã hoàn thiện (m ²)	Ước tính chi phí đã thực hiện (tỷ đồng)
				Đã xây thô				Đã hoàn thiện				Nhà chung cư				Nhà riêng lẻ															
				Số lượng nhà (căn)		Diện tích sàn (m ²)		Số lượng nhà (căn)		Diện tích sàn (m ²)		Số lượng (căn)				Diện tích (m ²)	Số lượng (căn)	Diện tích (m ²)	Số lượng (căn)	Diện tích (m ²)											
				Nhà liền kề	Biệt thự	Nhà liền kề	Biệt thự	Nhà liền kề	Biệt thự	Nhà liền kề	Biệt thự	Số lượng (căn)	Diện tích (m ²)	Số lượng (căn)	Diện tích (m ²)	Số lượng (căn)	Diện tích (m ²)														
-1	-2	-3	-4	-23	-24	-25	-26	-27	-28	-29	-30	-31	-32	-33	-34	-35	-36	-37	-38	-39	-40	-41	-42	-43	-44	-45	-46	-47	-48	-49	-50
I	Quận/huyện																														
1	Dự án																														
2	Dự án																														
...	...																														
II	Quận/huyện																														
...	...																														

NGƯỜI LẬP BIỂU
 (Ký, ghi rõ họ và tên)
 Số điện thoại:.....
 Email:.....

Ngày.....tháng.....năm.....
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
 (Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Số liệu báo cáo là số liệu tổng hợp tính đến hết quý báo cáo.
- Thời điểm báo cáo lần đầu: Trong quý bắt đầu giải phóng mặt bằng.
- Chủ đầu tư cấp 1 phải báo cáo cả các số liệu do chủ đầu tư thứ cấp thực hiện (nếu có). Chủ đầu tư thứ cấp có trách nhiệm cung cấp số liệu thực hiện cho chủ đầu tư cấp 1 theo biểu mẫu này.
- Cột (7) = cột (10)+cột (13)+cột (24)+cột (33)+cột (45)+cột (48)+cột (51).
- Cột (52): Ghi rõ số lượng trường học, cơ sở văn hóa, cơ sở y tế... (ví dụ: 01 trường tiểu học, 02 trung tâm y tế, 03 chợ...).

Biểu mẫu số 8b

Đơn vị báo cáo (Chủ đầu tư):.....

Địa chỉ, điện thoại:.....

Nơi nhận báo cáo: Sở Xây dựng.....

BÁO CÁO CỦA CHỦ ĐẦU TƯ VỀ TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DỰ ÁN BẤT ĐỘNG SẢN
(Biểu mẫu đối với các dự án trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê)

Thời điểm báo cáo: Quý.....năm.....

TT	Tên dự án	Địa điểm	Số hiệu thửa đất	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Quy mô theo thiết kế được duyệt		Về xây dựng công trình							
					Diện tích sàn văn phòng cho thuê (m ²)	Diện tích mặt bằng thương mại, dịch vụ (m ²)	Thời điểm khởi công (tháng/năm)	Thời điểm xây dựng xong móng (ngày/tháng/năm)	Khối lượng văn phòng hoàn thành			Khối lượng mặt bằng thương mại, dịch vụ hoàn thành		
									Diện tích sàn văn phòng cho thuê đã hoàn thành xây dựng phần thô (m ²)	Diện tích sàn văn phòng cho thuê đã hoàn thiện (m ²)	Ước tính tổng chi phí đã thực hiện (tỷ đồng)	Diện tích mặt bằng thương mại, dịch vụ đã hoàn thành xây dựng phần thô (m ²)	Diện tích mặt bằng thương mại, dịch vụ đã hoàn thiện (m ²)	Ước tính tổng chi phí đã thực hiện (tỷ đồng)
-1	-2	-3	-4	-5	-6	-7	-8	-9	-10	-11	-12	-13	-14	-15
I	Quận/huyện ...													
1	Dự án ...													
2	Dự án ...													
	...													
II	Quận/huyện ...													
	...													

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Số điện thoại:.....

Email:.....

Ngày.....tháng.....năm.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Thời điểm báo cáo lần đầu: Trong quý bắt đầu thực hiện giải phóng mặt bằng.
- Số liệu báo cáo là số liệu tổng hợp tính đến hết quý báo cáo.

Biểu mẫu số 8c

Đơn vị báo cáo (Chủ đầu tư):.....

Địa chỉ, điện thoại:.....

Nơi nhận báo cáo: Sở Xây dựng.....

BÁO CÁO CỦA CHỦ ĐẦU TƯ VỀ TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DỰ ÁN BẤT ĐỘNG SẢN
(Biểu mẫu đối với các dự án hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, cụm công nghiệp)

Thời điểm báo cáo: Quý.....năm.....

TT	Tên dự án	Địa điểm	Số hiệu thửa đất	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Ước tính tổng chi phí đã thực hiện (tỷ đồng)	Tổng diện tích đất theo quy hoạch (ha)	Về giải phóng mặt bằng		Về xây dựng hạ tầng kỹ thuật				Về xây dựng nhà ở công nhân (nếu có)				
							Diện tích đã giải phóng mặt bằng (ha)	Ước tính chi phí đã thực hiện (tỷ đồng)	Thời điểm khởi công (tháng/năm)	Diện tích đất đã hoàn thành xây dựng hạ tầng kỹ thuật (ha)	Diện tích đất chưa hoàn thành xây dựng hạ tầng kỹ thuật (ha)	Ước tính chi phí đã thực hiện (tỷ đồng)	Theo thiết kế		Thực tế thực hiện		Ước tính chi phí đã thực hiện (tỷ đồng)
													Diện tích sàn (m ²)	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Diện tích sàn hoàn thành xây thô (m ²)	Diện tích sàn đã hoàn thành (m ²)	
-1	-2	-3	-4	-5	-6	-7	-8	-9	-10	-11	-12	-13	-14	-15	-16	-17	-18
I	Quận/huyện:...																
1	Dự án...																
2	Dự án ...																
...	...																
II	Quận/huyện:...																
...	...																

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Số điện thoại:.....

Email:.....

Ngày.....tháng.....năm.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Thời điểm báo cáo lần đầu: Trong quý bắt đầu thực hiện giải phóng mặt bằng.
- Số liệu báo cáo là số liệu tổng hợp tính đến hết quý báo cáo.

Biểu mẫu số 8d

Đơn vị báo cáo (Chủ đầu tư):.....

Địa chỉ, điện thoại:.....

Nơi nhận báo cáo: Sở Xây dựng.....

BÁO CÁO CỦA CHỦ ĐẦU TƯ VỀ TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DỰ ÁN BẤT ĐỘNG SẢN
(Biểu mẫu đối với các dự án khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, khách sạn)

Thời điểm báo cáo: Quý.....năm.....

TT	Tên dự án	Địa điểm	Số hiệu thửa đất	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Ước tính tổng chi phí đã thực hiện (tỷ đồng)	Tổng diện tích đất theo quy hoạch được duyệt (ha)	Số lượng phòng, căn hộ theo thiết kế được duyệt (căn)	Về giải phóng mặt bằng		Về xây dựng hạ tầng kỹ thuật		Về xây dựng công trình					
								Diện tích đã giải phóng mặt bằng (ha)	Ước tính chi phí đã thực hiện (tỷ đồng)	Diện tích đất đã xây dựng (m ²)	Ước tính chi phí đã thực hiện (tỷ đồng)	Căn nhà/căn hộ đã xây dựng xong		Ước tính chi phí đã thực hiện (tỷ đồng)	Phòng khách sạn đã xây dựng xong		Ước tính chi phí đã thực hiện (tỷ đồng)
												Số lượng căn nhà/căn hộ (căn)	Diện tích sàn (m ²)		Số lượng phòng khách sạn (phòng)	Diện tích sàn (m ²)	
-1	-2	-3	-4	-5	-6	-7	-8	-9	-10	-11	-12	-13	-14	-15	-16	-17	-18
I	Quận/huyện:...																
1	Dự án...																
2	Dự án...																
...	...																
II	Quận/huyện:...																
...	...																

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Số điện thoại:.....

Email:.....

Ngày.....tháng.....năm.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Thời điểm báo cáo lần đầu: Trong quý bắt đầu thực hiện giải phóng mặt bằng.
- Số liệu báo cáo là số liệu tổng hợp tính đến hết quý báo cáo.

Đơn vị báo cáo: Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện

Nơi nhận báo cáo: Sở Xây dựng.....

BÁO CÁO VỀ TÌNH HÌNH CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở VÀ QUYỀN SỞ HỮU NHÀ

Kỳ báo cáo: Quý.....năm.....

TT	Quận/huyện	Số lượng giấy chứng nhận đã cấp trong quý báo cáo			Trong đó: Số lượng cấp giấy chứng nhận chuyển dịch quyền sử dụng đất và sở hữu nhà		
		Đất nền	Nhà ở riêng lẻ	Căn hộ chung cư	Đất nền	Nhà ở riêng lẻ	Căn hộ chung cư
-1	-2	-3	-4	-5	-6	-7	-8
1							
2							
...							

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Số điện thoại:.....

Email:.....

Ngày.....tháng.....năm.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Biểu mẫu số 10

Đơn vị báo cáo: (UBND quận/huyện).....

Nơi nhận báo cáo: Sở Xây dựng.....

THÔNG TIN VỀ QUẢN LÝ NHÀ CHUNG CƯ

Kỳ báo cáo: 6 tháng.....năm.....

TT	Tên tòa nhà	Địa chỉ	Số hiệu thửa đất	Số lượng căn hộ	Số hộ dân đã sinh sống	Hình thức quản lý			Đơn vị quản lý	Ngày thành lập và quyết định công nhận ban quản trị
						Chủ đầu tư quản lý	Chủ sở hữu tự quản lý	Thuê đơn vị quản lý		
-1	-2	-3	-4	-5	-6	-7	-8	-9	-10	-11

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Số điện thoại:.....

Email:.....

Ngày.....tháng.....năm.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Trường hợp chưa thành lập ban quản trị: Báo cáo thường kỳ.
- Trường hợp đã thành lập Ban quản trị: Chỉ báo cáo khi có sự thay đổi thông tin về hình thức quản lý, đơn vị quản lý.

Đơn vị báo cáo: Sở Tài nguyên và Môi trường.....

Nơi nhận báo cáo: Sở Xây dựng.....

BÁO CÁO THÔNG TIN VỀ SỬ DỤNG ĐẤT Ở CỦA ĐỊA PHƯƠNG

Thời điểm báo cáo: Tháng 6/tháng 12 năm.....

TT	Quận/huyện	Cơ cấu sử dụng đất ở theo quy hoạch được duyệt (ha)						Cơ cấu sử dụng đất ở đã thực hiện xây dựng (ha)					
		Tổng diện tích đất ở theo quy hoạch	Trong đó					Tổng diện tích đất ở đã xây dựng	Trong đó				
			Diện tích đất xây dựng nhà ở thương mại	Diện tích đất xây dựng nhà ở xã hội	Diện tích đất xây dựng nhà ở để phục vụ tái định cư	Diện tích đất xây dựng hạ tầng kỹ thuật	Diện tích đất khác		Diện tích đất xây dựng nhà ở thương mại	Diện tích đất xây dựng nhà ở xã hội	Diện tích đất xây dựng nhà ở để phục vụ tái định cư	Diện tích đất xây dựng hạ tầng kỹ thuật	Diện tích đất khác
-1	-2	-3	-4	-5	-6	-7	-8	-9	-10	-11	-12	-13	-14
Tổng cộng													

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Số điện thoại:.....

Email:.....

Ngày.....tháng.....năm.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Số liệu báo cáo là số liệu tổng hợp tính đến hết kỳ báo cáo.

Đơn vị báo cáo: Cục Thuế.....

Nơi nhận báo cáo: Sở Xây dựng.....

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THU NỘP NGÂN SÁCH TỪ ĐẤT ĐAI VÀ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG LĨNH VỰC BẤT ĐỘNG SẢN

Kỳ báo cáo: 6 tháng...../năm.....

TT	Quận/ huyện	Trong quý báo cáo (tỷ đồng)						Lũy kế tính từ đầu năm đến hết quý báo cáo (tỷ đồng)					
		Tiền sử dụng đất	Tiền thuê đất	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	Thuế từ chuyển nhượng bất động sản	Lệ phí trước bạ nhà đất	Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản	Tiền sử dụng đất	Tiền thuê đất	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	Thuế từ chuyển nhượng bất động sản	Lệ phí trước bạ nhà đất	Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản
-1	-2	-3	-4	-5	-6	-7	-8	-9	-10	-11	-12	-13	-14
Tổng cộng													

NGƯỜI LẬP BIỂU
 (Ký, ghi rõ họ và tên)
 Số điện thoại:.....
 Email:.....

Ngày.....tháng.....năm.....
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
 (Ký tên, đóng dấu)

Đơn vị báo cáo: Sở Kế hoạch và Đầu tư.....

Nơi nhận báo cáo: Sở Xây dựng.....

SỐ LƯỢNG DOANH NGHIỆP KINH DOANH TRONG LĨNH VỰC BẤT ĐỘNG SẢN

Kỳ báo cáo: 6 tháng...../năm.....

TT	Tổng số doanh nghiệp hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản	Số lượng doanh nghiệp có đăng ký ngành nghề kinh doanh					
		Đầu tư xây dựng, mua, bán, chuyển nhượng, cho thuê bất động sản			Dịch vụ môi giới, tư vấn, quản lý bất động sản		
		Đăng ký mới trong kỳ	Giải thể hoặc chuyển đổi ngành nghề kinh doanh trong kỳ	Lũy kế đến kỳ báo cáo	Đăng ký mới trong kỳ	Giải thể hoặc chuyển đổi ngành nghề kinh doanh trong kỳ	Lũy kế đến kỳ báo cáo
-1	-2	-3	-4	-5	-6	-7	-8
1							
2							
...							

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Số điện thoại:.....

Email:.....

Ngày.....tháng.....năm.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Đơn vị báo cáo: (UBND quận/huyện):.....

Nơi nhận báo cáo: Sở Xây dựng.....

TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG NHÀ Ở ĐÔ THỊ, NÔNG THÔN TẠI ĐỊA PHƯƠNG

Kỳ báo cáo: Năm.....

TT	Khu vực	Tổng số lượng nhà ở						Số lượng nhà ở xã hội						Nhà ở cho thuê					
		Căn hộ chung cư		Nhà ở riêng lẻ		Tổng cộng		Căn hộ chung cư		Nhà ở riêng lẻ		Tổng cộng		Nhà ở thương mại cho thuê		Nhà ở xã hội cho thuê		Tổng cộng	
		(căn)	(m ²)	(căn)	(m ²)	(căn)	(m ²)	(căn)	(m ²)	(căn)	(m ²)	(căn)	(m ²)	(căn)	(m ²)	(căn)	(m ²)	(căn)	(m ²)
-1	-2	-3	-4	-5	-6	(7) = (3)+(5)	(8) = (4)+(6)	-9	-10	-11	-12	(13) = (9)+(11)	(14) = (10)+(12)	-15	-16	-17	-18	(19) = (15)+(17)	(20) = (16)+(18)
1	Đô thị																		
2	Nông thôn																		
Tổng cộng																			

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Số điện thoại:.....

Email:.....

Ngày.....tháng.....năm.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Đơn vị báo cáo: (UBND quận/huyện):.....

Nơi nhận báo cáo: Sở Xây dựng.....

TỔNG HỢP NHÀ Ở THEO MỨC ĐỘ KIÊN CỐ XÂY DỰNG TẠI ĐỊA PHƯƠNG

Kỳ báo cáo: Năm.....

TT	Khu vực	Nhà ở kiên cố (căn)	Nhà ở bán kiên cố (căn)	Nhà ở thiếu kiên cố (căn)	Nhà đơn sơ (căn)
-1	-2	-3	-4	-5	-6
1	Đô thị				
2	Nông thôn				
	Tổng cộng				

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Số điện thoại:.....

Email:.....

Ngày.....tháng.....năm.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Đơn vị báo cáo: Sở Xây dựng
 Nơi nhận báo cáo: Sở Xây dựng

TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG NHÀ Ở CÔNG VỤ

Kỳ báo cáo: Năm.....

TT	Tên đơn vị	Nhà thuê làm nhà công vụ						Nhà công vụ thuộc sở hữu nhà nước						
		Biệt thự, nhà liền kề		Căn hộ chung cư		Nhà khác		Biệt thự, nhà liền kề		Căn hộ chung cư		Nhà khác		
		(căn)	(m ²)	(căn)	(m ²)	(căn)	(m ²)	(cái)	(m ²)	(căn)	(m ²)	(căn)	(m ²)	
-1	-2	-3	-4	-5	-6	-7	-8	-9	-10	-11	-12	-13	-14	
Tổng cộng														

NGƯỜI LẬP BIỂU
 (Ký, ghi rõ họ và tên)
 Số điện thoại:.....
 Email:.....

Ngày.....tháng.....năm.....
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
 (Ký tên, đóng dấu)

Đơn vị báo cáo: Ngân hàng Nhà nước

Nơi nhận báo cáo: Sở Xây dựng

Số liệu được tổng hợp theo quý

Thời hạn cung cấp thông tin: Trước ngày 15/4; 15/7, 15/10, 15/01 năm sau

TỔNG HỢP VỀ DỰ NỢ TÍN DỤNG ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG LĨNH VỰC BẤT ĐỘNG SẢN

Kỳ báo cáo: Quý.....năm.....

TT	Tỉnh/thành phố	Tổng dự nợ tín dụng đối với hoạt động đầu tư, kinh doanh bất động sản (tỷ đồng)	Trong đó							
			Dự nợ tín dụng đối với các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị, dự án phát triển nhà ở (tỷ đồng)	Dự nợ tín dụng đối với các dự án văn phòng (cao ốc) cho thuê (tỷ đồng)	Dự nợ tín dụng đối với các dự án xây dựng khu công nghiệp, khu chế xuất (tỷ đồng)	Dự nợ tín dụng đối với các dự án khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng (tỷ đồng)	Dự nợ tín dụng đối với các dự án khách sạn (tỷ đồng)	Dự nợ tín dụng đối với cho vay xây dựng, sửa chữa mua nhà để bán, cho thuê (tỷ đồng)	Dự nợ tín dụng đối với cho vay mua quyền sử dụng đất (tỷ đồng)	Dự nợ tín dụng đối với đầu tư kinh doanh bất động sản khác (tỷ đồng)
-1	-2	-3	-4	-5	-6	-7	-8	-9	-10	-11
1										
2										
3										
...										
	Tổng cộng									

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Số điện thoại:.....

Email:.....

Ngày.....tháng.....năm.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Số liệu được tổng hợp tại thời điểm kết thúc quý báo cáo.